TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÌNH LẬP** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST
Ngày 13-7-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÌNH LẬP, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lành Thị Vệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Sầm Thị Thiên

Bà Hoàng Thị Thanh Hòa

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Hoàng Văn Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Vi Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2023/QĐST-DS, ngày 03 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Mã Thị N, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Đồng Văn T, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/02/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Mã Thị N trình bày: Chị Mã Thị N và anh Đồng Văn T tự nguyên đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 15/5/2008 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Trước khi tiến tới hôn nhân anh, chị đã có thời gian tìm hiểu nhau và được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục của địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, cùng nhau chăm lo làm ăn và nuôi dạy con cái. Đến cuối năm 2020 thì anh Đồng Văn T có người phụ nữ khác, không còn chung thủy trong hôn nhân nên dẫn đến vợ chồng

phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Chị Mã Thị N đã nhiều lần tha thứ nhưng anh Đồng Văn T không thay đổi. Đến tháng 3 năm 2023 vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Chị Mã Thị N xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Đồng Văn T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung là Đồng Phương D, sinh ngày 11/4/2008 và Đồng Phương M, sinh ngày 04/10/2015. Khi ly hôn chị Mã Thị N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục người con chung là Đồng Phương M và yêu cầu anh Đồng Văn T có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Đồng Phương D cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung, quá trình giải quyết vụ án chị Mã Thị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa chị Mã Thị N yêu cầu anh Đồng Văn T cấp dưỡng nuôi cháu Đồng Phương M với số tiền là 2.000.000 đồng/tháng. Chị Mã Thị N không cấp dưỡng nuôi cháu Đồng Phương D. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Vợ chồng không vay nợ ai và không cho ai vay nợ.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bị đơn anh Đồng Văn T trình bày: Anh và chị Mã Thị N đã có thời gian tìm hiểu trong thời gian 03 năm rồi cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân. Ngày 15/5/2008 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Đến tháng 10/2022 do chị Mã Thị N hay ghen tuông dẫn đến vợ chồng cãi chửi nhau nên chị Mã Thị N bỏ ra ngoài sinh sống khoảng 01 tháng sau đó vợ chồng đã hàn gắn lại tình cảm. Hiện nay anh xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị Mã Thị N, những mẫu thuẫn vợ chồng chỉ là mâu thuẫn nhỏ nên anh không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình và chăm lo cho các con. Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung là Đồng Phương D, sinh ngày 11/4/2008 và Đồng Phương M, sinh ngày 04/10/2015. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Đồng Văn T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai người con và không yêu cầu chị Mã Thị N phải cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa anh Đồng Văn T nhất trí cho chị Mã Thị N nuôi dưỡng cháu Đồng Phương M, anh Đồng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đồng Phương D và nhất trí cấp dưỡng nuôi cháu Đồng Phương M với số tiền là 2.000.000 đồng/tháng. Không yêu cầu chị Mã Thị N cấp dưỡng nuôi cháu Đồng Phương D. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Vợ chồng không vay nợ ai và không cho ai vay nợ.

Theo biên bản xác minh ngày 09/6/2023 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn là nơi cư trú của chị Mã Thị N và anh Đồng Văn T cho biết: Chị Mã Thị N và anh Đồng Văn T có đăng ký hôn vào ngày 15/5/2008. Về mâu thuẫn vợ chồng, qua nắm bắt thông tin tại địa phương cho thấy vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do anh Đồng Văn T có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Về tài sản anh Đồng Văn T và chị Mã Thị N có tài sản chung là nhà ở và đất rừng sản xuất với diện tích khoảng 10 ha.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Thẩm phán đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục, tiến hành thu thập chứng cứ, hướng dẫn đương sự viết bản tự khai, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, tống đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định. Quá trình tiến hành tố tụng tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích, đánh giá nội dung vụ án đã đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 51, Điều 56, 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Mã Thị N, xử cho chị Mã Thị N được ly hôn với anh Đồng Văn T. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận về vấn đề nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con. Về án phí: Đề nghị xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Mã Thị N yêu cầu ly hôn với anh Đồng Văn T và yêu cầu giải quyết về vấn đề con chung của vợ chồng khi ly hôn nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Đồng Văn T cư trú tại: Thôn K, xã C, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mã Thị N và anh Đồng Văn T có đăng ký kết hôn vào ngày 15/5/2008 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc nên quan hệ hôn nhân của chị Mã Thị N và anh Đồng Văn T là hợp pháp. Theo lời khai của chị Mã Thị N, sau khi kết hôn vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh Đồng Văn T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và đã được anh Đồng Văn T thừa nhận tại phiên tòa. Đồng thời cũng phù hợp với biên bản xác minh tại thôn K, xã C, huyện Đ và biên bản xác minh tại ủy ban nhân dân xã C, huyện Đ. Như vậy, xác định nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh Đồng Văn T không chung thủy trong hôn nhân. Xét thấy, việc anh Đồng Văn T đã kết hôn và chung sống với chị Mã Thị N nhưng lại có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác là vi phạm điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"*. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Mã Thị N là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống chị Mã Thị N và anh Đồng Văn T có 02 người con chung là Đồng Phương D, sinh ngày 11/4/2008 và Đồng

Phương M, sinh ngày 04/10/2015. Tại phiên tòa chị Mã Thị N và anh Đồng Văn T tự thỏa thuận thống nhất về quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, cụ thể: Chị Mã Thị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục người con chung là Đồng Phương M và anh Đồng Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Đồng Phương D cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con các đương sự thỏa thuận anh Đồng Văn T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Đồng Phương M với số tiền là 2.000.000 đồng/tháng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Mã Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Đồng Phương D. Xét thấy, việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, không vi phạm các quy định khác đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Đồng Phương D và cháu Đồng Phương M. Vì vậy, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận về vấn đề nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn chị Mã Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Đồng Văn T cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa là có cơ sở, phù hợp với các quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Mã Thị N. Xử cho chị Mã Thị N được ly hôn với anh Đồng Văn T.

(*Giấy chứng nhận kết hôn số 10, ngày 15/5/2008 của Ủy ban nhân dân xã C, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn).*

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận về quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn. Chị Mã Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đồng Phương M, sinh ngày 04/10/2015 cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Đồng Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đồng Phương D, sinh ngày 11/4/2008 cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Đồng Văn T cấp dưỡng nuôi cháu Đồng Phương M theo phương thức cấp dưỡng hàng tháng, mức cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng/tháng (hai triệu đồng trên tháng), thời điểm cấp dưỡng từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13/7/2023) cho đến khi cháu Đồng Phương M đủ 18 tuổi. Chị Mã Thị N không phải cấp dưỡng nuôi cháu Đồng Phương D. Khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Chị Mã Thị N và anh Đồng Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án thì phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Mã Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Mã Thị N đã nộp đủ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003731, ngày 13/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn. Anh Đồng Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch để sung vào ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- UBND xã C, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lành Thị Vệ